TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:185/2025/QĐST-HNGĐ	*Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29; Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí số: 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Dân sự thụ lý số: 149/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2025 về việc ‘‘Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn’’, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Thân Đức H, sinh ngày 11/4/1984

CCCD số 079084012036 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/02/2024.

Địa chỉ: A38 (số mới 67) đường B, phường L, Thành hố Hồ Chí Minh (trước đây là A38 (số mới 67) đường B, Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người yêu cầu: Bà Lâm Bửu T, sinh ngày 20/3/1984

CCCD số 052184003060 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 26/02/2024.

Địa chỉ: A38 (số mới 67) đường B, phường L, Thành hố Hồ Chí Minh (trước đây là A38 (số mới 67) đường B, Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2014; Quyển số: 01/2014 do UBND Phường V, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường L, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 02/01/2014 thì ông Thân Đức H và bà Lâm Bửu T là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 3 con chung tên Thân Vy H, sinh ngày 11/11/2014, Thân Hoàng M, sinh ngày 11/11/2014 và Thân Minh N, sinh ngày 14/02/2020. Ly hôn ông H, bà T thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi 03 con chung, hai bên tự thỏa thuận chi phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình là 300.000đ do ông H và bà T chịu.

Đã hết thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Thân Đức H và bà Lâm Bửu T.

b/ Về con chung: Giao trẻ Thân Vy H, sinh ngày 11/11/2014, Thân Hoàng M, sinh ngày 11/11/2014 và Thân Minh N, sinh ngày 14/02/2020 cho bà Lâm Bửu Thương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Thân Đức H và bà Lâm Bửu T tự thỏa thuận chi phí cấp dưỡng nuôi trẻ Thân Vy Hân, Thân Hoàng Minh và Thân Minh Nhật.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c/ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

d/ Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,

7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Về lệ phí: Lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do ông Thân Đức H và bà Lâm Bửu T chịu, được cấn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Thân Đức H và bà Lâm Bửu T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005659 ngày 25/7/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4 - Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- UBND P.L, Tp.Hồ Chí Minh (để ghi vào sổ hộ tịch)
Giấy CNKH số: 01/2014, quyển số: 01/2014 ngày 02/01/2014;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Mai Hương